

# 国民体育大会山形県予選会

少年男子

2022年7月9日 - 9:00

## FINAL RESULTS

Place	Name	Club(s)	Country
1	佐藤 禅	山形県立高畠高等学校	JPN
2	荒木 瑠青	山形県立山形東高等学校	JPN
3	八巻 旭陽	山形県立高畠高等学校	JPN
4	加藤 義晶	山形県立山形東高等学校	JPN
5	田畑 考賢	米沢市フェンシングスポーツ少年団	JPN
6	田中 希未	山形県立山形東高等学校	JPN
7	齋藤 圭吾	アプルス	JPN
8	藤田 健吾	山形県立米沢興譲館高等学校	JPN
9	齋藤 叶翔	山形県立米沢東高等学校	JPN
10	佐藤 章	山形県立山形東高等学校	JPN
11	結城 佳京	山形県立山形東高等学校	JPN
12	鳥海 敬太郎	山形県立米沢東高等学校	JPN
13	岩瀬 雄哉	山形県立米沢興譲館高等学校	JPN
14	坂本 ダヴィ	山形県立米沢興譲館高等学校	JPN
15	原 龍大	山形県立高畠高等学校	JPN
16	遠藤 志貴	山形県立米沢東高等学校	JPN
17	古畑 佑朔	山形県立米沢東高等学校	JPN

## ROUND #1 - POOL - ROUND SEEDING

Seed	Name	Class./Rank	Club(s)	Country	Status
1	八巻 旭陽	1	高畠	JPN	
2	佐藤 禅	2	高畠	JPN	
3	加藤 義晶	3	山形東高	JPN	
4	荒木 瑠青	4	山形東高	JPN	
5	田中 希未	5	山形東高	JPN	
6	結城 佳京		山形東高	JPN	
7	坂本 ダヴィ		米沢興譲館高	JPN	
8	佐藤 章		山形東高	JPN	
9	古畑 佑朔		米沢東高	JPN	
10	齋藤 叶翔		米沢東高	JPN	
11	齋藤 圭吾		アプルス	JPN	
12	原 龍大		高畠	JPN	
13	藤田 健吾		米沢興譲館高	JPN	
14	遠藤 志貴		米沢東高	JPN	
15	鳥海 敬太郎		米沢東高	JPN	
16	田畑 考賢		米沢市 F S	JPN	
17	岩瀬 雄哉		米沢興譲館高	JPN	

## ROUND #1 - POOL - SCORES

## POOL #1

	#	1	2	3	4	5	V	V/M	TS	TR	Ind
岩瀬 雄哉 米沢興譲館高 / JPN	1		V5	D0	D0	D4	1	0.25	9	15	-6
古畑 佑朔 米沢東高 / JPN	2	D0		D0	D0	D1	0	0.00	1	20	-19
佐藤 章 山形東高 / JPN	3	V5	V5		D2	D2	2	0.50	14	10	+4
八巻 旭陽 高畠 / JPN	4	V5	V5	V5		V5	4	1.00	20	4	+16
田畑 考賢 米沢市 F S / JPN	5	V5	V5	V5	D2		3	0.75	17	12	+5

## REFEREE(S):

近野 洋平

山形 F 協会 / JPN

## POOL #2

	#	1	2	3	4	V	V/M	TS	TR	Ind
坂本 ダヴィ 米沢興譲館高 / JPN	1		D3	D1	D0	0	0.00	4	15	-11
齋藤 叶翔 米沢東高 / JPN	2	V5		D1	D1	1	0.33	7	13	-6
田中 希未 山形東高 / JPN	3	V5	V5		D0	2	0.67	10	7	+3
佐藤 禅 高畠 / JPN	4	V5	V5	V5		3	1.00	15	1	+14

## REFEREE(S):

佐藤 友哉

山形 F 協会

## POOL #3

	#	1	2	3	4	V	V/M	TS	TR	Ind
結城 佳京 山形東高 / JPN	1		V5	D0	D0	1	0.33	5	10	-5
遠藤 志貴 米沢東高 / JPN	2	D0		D0	D0	0	0.00	0	15	-15
齋藤 圭吾 アプルス / JPN	3	V5	V5		D2	2	0.67	12	5	+7
加藤 義晶 山形東高 / JPN	4	V5	V5	V5		3	1.00	15	2	+13

## REFEREE(S):

我妻 朋哉

米沢市 F S / JPN

## POOL #4

	#	1	2	3	4	V	V/M	TS	TR	Ind
藤田 健吾 米沢興譲館高 / JPN	1		D2	V5	V5	2	0.67	12	7	+5
荒木 瑠青 山形東高 / JPN	2	V5		V5	V5	3	1.00	15	4	+11
原 龍大 高畠 / JPN	3	D2	D0		D0	0	0.00	2	15	-13
鳥海 敬太郎	4	D0	D2	V5		1	0.33	7	10	-3

米沢東高 / JPN

## REFEREE(s):

八巻 貴信

米沢市 F S / JPN

## ROUND #2 - POOL - ROUND SEEDING

Seed	Name	Class./Rank	Club(s)	Country	V	V/M	TS	TR	Ind	Status
1	八巻 旭陽	1	高島	JPN	4	1.00	20	4	+16	Advanced
2	佐藤 禅	2	高島	JPN	3	1.00	15	1	+14	Advanced
3	加藤 義晶	3	山形東高	JPN	3	1.00	15	2	+13	Advanced
4	荒木 瑠青	4	山形東高	JPN	3	1.00	15	4	+11	Advanced
5	田畑 考賢		米沢市 F S	JPN	3	0.75	17	12	+5	Advanced
6	齋藤 圭吾		アプルス	JPN	2	0.67	12	5	+7	Advanced
7	藤田 健吾		米沢興譲館高	JPN	2	0.67	12	7	+5	Advanced
8	田中 希未	5	山形東高	JPN	2	0.67	10	7	+3	Advanced
9	佐藤 章		山形東高	JPN	2	0.50	14	10	+4	Advanced
10	鳥海 敬太郎		米沢東高	JPN	1	0.33	7	10	-3	Advanced
11	結城 佳京		山形東高	JPN	1	0.33	5	10	-5	Advanced
12	齋藤 叶翔		米沢東高	JPN	1	0.33	7	13	-6	Advanced
13	岩瀬 雄哉		米沢興譲館高	JPN	1	0.25	9	15	-6	Eliminated
14	坂本 ダヴィ		米沢興譲館高	JPN	0	0.00	4	15	-11	Eliminated
15	原 龍大		高島	JPN	0	0.00	2	15	-13	Eliminated
16	遠藤 志貴		米沢東高	JPN	0	0.00	0	15	-15	Eliminated
17	古畑 佑朔		米沢東高	JPN	0	0.00	1	20	-19	Eliminated

## ROUND #2 - POOL - SCORES

## POOL #1

	#	1	2	3	4	V	V/M	TS	TR	Ind
齋藤 圭吾 アプルス / JPN	1		D3	V5	V5	2	0.67	13	7	+6
八巻 旭陽 高島 / JPN	2	V5		V5	V5	3	1.00	15	4	+11
齋藤 叶翔 米沢東高 / JPN	3	D2	D0		V5	1	0.33	7	13	-6
結城 佳京 山形東高 / JPN	4	D0	D1	D3		0	0.00	4	15	-11

## REFEREE(s):

近野 洋平

山形 F 協会 / JPN

## POOL #2

	#	1	2	3	4	V	V/M	TS	TR	Ind
田中 希未 山形東高 / JPN	1		V5	D0	V5	2	0.67	10	11	-1
田畑 考賢 米沢市 F S / JPN	2	D2		D2	V5	1	0.33	9	11	-2
佐藤 禅 高島 / JPN	3	V5	V5		V5	3	1.00	15	3	+12
佐藤 章 山形東高 / JPN	4	D4	D1	D1		0	0.00	6	15	-9

## REFEREE(S):

佐藤 友哉  
山形 F 協会

## POOL #3

	#	1	2	3	4	V	V/M	TS	TR	Ind
荒木 瑠青 山形東高 / JPN	1		D4	V5	D3	1	0.33	12	10	+2
藤田 健吾 米沢興譲館高 / JPN	2	V5		V5	D3	2	0.67	13	10	+3
鳥海 敬太郎 米沢東高 / JPN	3	D0	D1		D0	0	0.00	1	15	-14
加藤 義晶 山形東高 / JPN	4	V5	V5	V5		3	1.00	15	6	+9

## REFEREE(S):

八巻 貴信  
米沢市 F S / JPN

## ROUND #3 - POOL - ROUND SEEDING

Seed	Name	Class./Rank	Club(s)	Country	V	V/M	TS	TR	Ind	Status
1	佐藤 禅	2	高島	JPN	3	1.00	15	3	+12	Advanced
2	八巻 旭陽	1	高島	JPN	3	1.00	15	4	+11	Advanced
3	加藤 義晶	3	山形東高	JPN	3	1.00	15	6	+9	Advanced
4	齋藤 圭吾		アプルス	JPN	2	0.67	13	7	+6	Advanced
5	藤田 健吾		米沢興譲館高	JPN	2	0.67	13	10	+3	Advanced
6	田中 希未	5	山形東高	JPN	2	0.67	10	11	-1	Advanced
7	荒木 瑠青	4	山形東高	JPN	1	0.33	12	10	+2	Advanced
8	田畑 考賢		米沢市 F S	JPN	1	0.33	9	11	-2	Advanced
9	齋藤 叶翔		米沢東高	JPN	1	0.33	7	13	-6	Eliminated
10	佐藤 章		山形東高	JPN	0	0.00	6	15	-9	Eliminated
11	結城 佳京		山形東高	JPN	0	0.00	4	15	-11	Eliminated
12	鳥海 敬太郎		米沢東高	JPN	0	0.00	1	15	-14	Eliminated
13	岩瀬 雄哉		米沢興譲館高	JPN						Eliminated
14	坂本 ダヴィ		米沢興譲館高	JPN						Eliminated
15	原 龍大		高島	JPN						Eliminated
16	遠藤 志貴		米沢東高	JPN						Eliminated
17	古畑 佑朔		米沢東高	JPN						Eliminated

## ROUND #3 - POOL - SCORES

## POOL #1

	#	1	2	3	4	V	V/M	TS	TR	Ind
藤田 健吾 米沢興譲館高 / JPN	1		D3	D3	D3	0	0.00	9	15	-6
佐藤 禅 高島 / JPN	2	V5		V5	V5	3	1.00	15	6	+9
荒木 瑠青 山形東高 / JPN	3	V5	D0		V5	2	0.67	10	10	0
齋藤 圭吾 アプルス / JPN	4	V5	D3	D2		1	0.33	10	13	-3

## REFEREE(S):

戸田 顕崇

米沢興譲館高 / JPN

岡村 悦男

高島 / JPN

## POOL #2

	#	1	2	3	4	V	V/M	TS	TR	Ind
加藤 義晶 山形東高 / JPN	1		D2	D4	V5	1	0.33	11	13	-2
田畑 考賢 米沢市 F S / JPN	2	V5		D3	D3	1	0.33	11	12	-1
八巻 旭陽 高島 / JPN	3	V5	V5		V5	3	1.00	15	11	+4
田中 希未 山形東高 / JPN	4	D3	V5	D4		1	0.33	12	13	-1

## REFEREE(S):

市川 倫子

アプルス / JPN

## ROUND #4 - POOL - ROUND SEEDING

Seed	Name	Class./Rank	Club(s)	Country	V	V/M	TS	TR	Ind	Status
1	佐藤 禅	2	高島	JPN	3	1.00	15	6	+9	Advanced
2	八巻 旭陽	1	高島	JPN	3	1.00	15	11	+4	Advanced
3	荒木 瑠青	4	山形東高	JPN	2	0.67	10	10	0	Advanced
4	田中 希未	5	山形東高	JPN	1	0.33	12	13	-1	Advanced
5	田畑 考賢		米沢市 F S	JPN	1	0.33	11	12	-1	Advanced
6	加藤 義晶	3	山形東高	JPN	1	0.33	11	13	-2	Advanced
7	齋藤 圭吾		アプルス	JPN	1	0.33	10	13	-3	Eliminated
8	藤田 健吾		米沢興譲館高	JPN	0	0.00	9	15	-6	Eliminated
9	齋藤 叶翔		米沢東高	JPN						Eliminated
10	佐藤 章		山形東高	JPN						Eliminated
11	結城 佳京		山形東高	JPN						Eliminated
12	鳥海 敬太郎		米沢東高	JPN						Eliminated
13	岩瀬 雄哉		米沢興譲館高	JPN						Eliminated
14	坂本 ダヴィ		米沢興譲館高	JPN						Eliminated
15	原 龍大		高島	JPN						Eliminated
16	遠藤 志貴		米沢東高	JPN						Eliminated
17	古畑 佑朔		米沢東高	JPN						Eliminated

## ROUND #4 - POOL - SCORES

## POOL #1

	#	1	2	3	4	5	6	V	V/M	TS	TR	Ind
荒木 瑠青 山形東高 / JPN	1		V5	V5	D2	V5	V5	4	0.80	22	10	+12
田中 希未 山形東高 / JPN	2	D2		D4	D4	D4	D4	0	0.00	18	25	-7
加藤 義晶 山形東高 / JPN	3	D0	V5		D1	D4	V5	2	0.40	15	21	-6
佐藤 禅	4	V5	V5	V5		V5	V5	5	1.00	25	8	+17

高畠 / JPN													
八巻 旭陽 高畠 / JPN	5	D0	V5	V5	D0		V5	3	0.60	15	19	-4	
田畑 考賢 米沢市 F S / JPN	6	D3	V5	D2	D1	D1		1	0.20	12	24	-12	

**REFEREE(s):**

近野 洋平

山形 F 協会 / JPN

我妻 朋哉

米沢市 F S / JPN

Results generated by Fencing Time v4.5 Tournament Software

[www.FencingTime.com](http://www.FencingTime.com)

Copyright © 2018 by Fencing Time, LLC